

## VỀ ĐẠO SẮC PHONG ĐỜI QUANG TRUNG TẠI BẢO TÀNG NAM ĐỊNH

NGUYỄN XUÂN CAO\*

Sắc phong là một loại hình văn bản Hán Nôm quan trọng trong hệ thống các di tích lịch sử văn hóa. Đây là một trong những loại hình văn bản hành chính do nhà nước phong kiến ban tặng cho những vị thần, thánh và những người có công phò vua giúp nước. Vì vậy việc tìm hiểu nội dung, nghệ thuật của sắc phong sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc.

Hiện nay tại Bảo tàng Nam Định đang lưu giữ 31 đạo sắc phong gồm 11 đạo sắc thời Hậu Lê, 5 đạo sắc thời Tây Sơn và 15 đạo sắc thời Nguyễn. Tây Sơn nhất là triều vua Quang Trung rất ít ban sắc phong và khi Nguyễn Ánh lên ngôi đã ra lệnh phá hủy tất cả những dấu vết lịch sử văn hóa của triều Tây Sơn. Nhưng trong 5 đạo sắc đó chúng tôi lại đặc biệt chú trọng đến 1 sắc phong được ban ra sau khi vua Quang Trung mất gần 5 tháng.

Theo *Việt sử cương mục tiết yếu* của Đặng Xuân Bảng ghi rằng: "Mùa thu, tháng 7, Nguyễn Quang Bình chết". Còn theo nghiên cứu của tác giả Quỳnh Cư và Đỗ Đức Hùng trong cuốn *Các triều đại*

*phong kiến Việt Nam* thì ghi rằng: "Ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792) khoảng 11h khuya, vua Quang Trung từ trần, ở ngôi 5 năm, thọ 40 tuổi". Như vậy, theo sử sách và nghiên cứu của một số tác giả đều xác định vua Quang Trung mất vào tháng 7 (mùa thu). Đối chiếu với thời gian vua Quang Trung mất và thời gian ghi trên sắc phong thì sắc phong này được ban ra sau khi vua Quang Trung mất gần 5 tháng.

Vậy sự thực về bản sắc phong này như thế nào? Hay đây là một sắc phong giả?

Nếu đây là một sắc phong giả thì người làm giả thực sự không am hiểu lịch sử triều vua Quang Trung (không nắm được thời gian vua Quang Trung qua đời). Và lại, tại sao không làm giả sắc phong các đời vua khác là mà lại làm giả sắc thời vua Quang Trung? Việc làm giả này nhằm mục đích gì? Trong khi đó nhiều người biết rằng: triều vua Quang Trung rất ít ban sắc phong cộng với chính sách tàn phá của vua Gia Long thì việc làm giả và cất giữ bản sắc phong này là một tội rất nặng. Vì vậy việc làm giả sắc phong trong trường hợp này là khó có thể xảy ra.

Do đó muốn xác định tính chân thực, chúng tôi lần lượt đối chiếu so sánh những đặc điểm, nội dung của bản sắc phong này với 4 đạo sắc cùng thời Tây Sơn (3 đạo sắc đời Quang Trung và 1 đạo sắc thời Cảnh Thịnh).

- Đặc điểm: sắc phong hình chữ nhật, dài 130cm, rộng 50cm, giấy màu vàng nhạt. Hình rồng được trang trí ở vị trí trung tâm nền giấy sắc, hoa văn hình triện xen kẽ hoa văn hình chấm, riềm sắc trang trí hoa văn hình học.

- Rồng: đầu rồng ngẩng cao, miệng há, mắt to, có 5 móng. Thân rồng ngắn, uốn lượn uyển chuyển nhưng thân thái. Đuôi rồng cuộn lên, xoáy tròn ốc và đặng đối với đầu rồng. Trong 5 sắc phong thời Tây Sơn đều có chung đặc điểm này. Vì thời gian triều Tây Sơn tồn tại rất ngắn, cho nên không sáng tạo ra một hình tượng con rồng mới mà chủ yếu kế thừa, phát huy những ưu điểm của rồng thời Hậu Lê nhưng vẫn mang đặc trưng phong cách của thời Tây Sơn với những đặc điểm nổi bật ở trên.

- Kiểu chữ: mang đậm tính thể thư (thể chữ), chữ viết chân phương, kích thước chữ lớn, thể hiện rõ mạch tính (vết tích mực), bút lực (lực đi bút), khởi bút (khởi điểm của bút), hành bút (di bút), liên bút (liên kết các nét)... vẫn còn mang đậm dấu ấn kiểu chữ thời Lê-Tây Sơn.

- Quy cách kết thúc văn bản: cả 5 đạo sắc đều có cách kết thúc giống như. Chữ "sắc" được viết riêng 1 dòng, nằm ở vị trí trung tâm của chữ "Thọ". Trong khi đó hầu hết các sắc phong thời Hậu Lê thì chữ "sắc" thường không nằm chuẩn ở vị trí trung tâm của chữ "Thọ". Điều này chứng tỏ rằng sắc phong thời Tây Sơn đã chuẩn hóa trong quy cách kết thúc văn bản (nếu làm giả thì khó có được những chuẩn mực này).

- Dấu triện và quy cách đóng dấu: cả 5 sắc phong thời Tây Sơn đều có dấu triện và quy cách đóng dấu giống nhau. Dấu triện "Sắc mệnh chi bảo" có kích thước là 15cm x 15cm, dày 2cm. trong khi đó kích thước dấu triện thời Hậu Lê là 11,5cm x 11,5cm, dày 1cm. Chữ triện "Sắc mệnh chi bảo" được khắc sâu, nét cứng, theo kiểu chữ đại triện không giống với các chữ triện khắc trên dấu triện của thời Lê, Nguyễn. Quy cách đóng dấu chỉ đề lên thời gian của niên hiệu, không đề lên niên hiệu (đây cũng là đặc điểm khác biệt của sắc phong thời Tây Sơn).

- Nội dung của sắc phong: bản sắc phong này là bản sắc phong phong thêm 2 mỹ tự cho 2 vị thần có duệ hiệu: "Thái quân Hiến ứng, Phổ hóa, Hồng ân, Tá thánh, Nghị vũ, Quảng thông, Chu đạt, Diệu vận, Dương linh Linh Lang Đại vương, Phù hộ, Uy dũng, Du cứu Lý số, Phụ thánh, Trinh cố, Cơ trí, Tuấn vĩ Đại thần". Căn cứ vào số lượng mỹ tự cho chúng ta biết rằng 2 vị thần này qua các triều đại đã được phong thêm mỹ tự. Cụ thể là sắc phong năm Dương Đức thứ 4 (1675) phong là: "Đức vua Hiến ứng, Phổ hóa, Hồng ân, Nghị vũ Linh Lang Đại vương, Phù hộ, Uy dũng, Đầu lân Lý số Đại thần". Còn sắc phong năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1794) ngoài những mỹ tự được sắc phong trong đạo sắc thời Quang Trung còn ban thêm là "Thái quân Hiến ứng, Phổ hóa, Hồng ân, Tá thánh, Nghị vũ, Quảng thông, Chu đạt, Diệu vận, Dương linh, Hồng mô, Duệ lược Linh Lang Đại vương, Phù hộ, Uy dũng, Du cứu lý số, Phụ thánh, Trinh cố, Cơ trí, Tuấn vĩ, Gia cung, Anh cảm Đại thần" (Cả 3 sắc phong này đều tại xã Ổi Lỗi huyện Vọng Doanh). Như vậy, theo logic thì bản sắc phong vua Quang Trung này là cơ sở để vua Cảnh Thịnh phong thêm mỹ tự cho 2 vị thần này. Qua đó, chúng ta thấy được tính logic lịch sử, sự

tiếp nối và thống nhất trong việc ban thêm mỹ tự giữa các triều đại.

- Đặc biệt phía sau sắc phong còn có dòng chữ "Vọng doanh huyện Ôi Lỗi xã" (xã Ôi Lỗi, huyện Vọng Doanh). Thông thường chỉ có sắc phong thời Lê-Tây Sơn mới viết tên địa danh, địa điểm được sắc phong còn các sắc phong thời Nguyễn thường ghi trực tiếp trên mặt chính của sắc phong. Theo Địa chí Nam Định ghi rằng: huyện Vọng Doanh là tên huyện có từ thời Lê và kéo dài đến năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) mới đổi thành huyện Phong Doanh. Điều đó càng khẳng định rõ niên đại và tính chân thực của đạo sắc phong này.

Tất cả những đặc điểm nghệ thuật, hình thức và nội dung của bản sắc phong đều tự khẳng định: đây là một bản sắc phong của vua Quang Trung.

Còn thời gian niên hiệu ghi trên sắc phong theo chúng tôi được biết: một số vị vua sau khi chết nhưng niên hiệu vẫn được sử dụng đến hết năm, khi vua kế tự lên ngôi mới chính thức thay đổi niên hiệu (thường là ngày đầu năm mới). Vì vậy trong trường hợp này: vua Quang Trung mất vào tháng 7 năm Nhâm Tý (1792) nhưng có lẽ phải đến đầu năm Quý Sửu (1793) Quang Toàn lên ngôi mới chính thức đổi niên hiệu là năm Cảnh Thịnh thứ nhất. Do đó niên hiệu vua Quang Trung vẫn được sử dụng hết năm 1792, cho dù vị vua này đã mất trước đó 5 tháng.

Việc tìm hiểu tính chân thực của đạo sắc phong của vua Quang Trung sau khi vị vua này mất gần 5 tháng là một điều rất thú vị, xin được luận bàn cùng các nhà nghiên cứu.

